TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **15**/2023/QĐST-KDTM	*T, ngày 29 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THOẢ TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 292, 335, 336, 338, 339, 340, 342, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 32/2022/TLST-DS ngày 10/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

XÉT THẤY:

Các thỏa Tận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa Tận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa Tận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức danh: Chủ tịch Hội đồng Quản trị V.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Chức danh: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Pháp lý theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của ông Ngô Chí D.

Người được ủy quyền lại: Ông Phan Việt H, Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền số 922/2021/UQ-LCC-KHDNMB2 ngày 09/9/2021)

Bị đơn: Công ty cổ phần V

Trụ sở: NV7-14, khu nhà ở cho CBCS cục B42, B57 – Tổng cục V- Bộ công an, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T- Chức vụ: Giám đốc

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985

Ông Vi Tuấn T, sinh năm 1986

HKTT: P1801 CT2b, tổ 19, đường V, phường P, quận P, Hà Nội

Bà Nguyễn Thị Vân G, sinh năm 1975

HKTT: số 348 Q, phường L, quận P, Hà Nội.

2. Sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần V xác nhận, tính đến ngày 15/3/2023, Công ty cổ phần V còn nợ Ngân hàng TMCP V số tiền Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 300719-5034613-01-SME/TCTK ngày 30/8/2019 như sau: Nợ gốc: 474.979.526 đồng; Nợ lãi: 849.494.000 đồng; Tổng cộng: **1.324.473.526 đồng.**

2.2. Công ty cổ phần V có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền: Nợ gốc: 474.979.526 đồng; Nợ lãi: 849.494.000 đồng; Tổng cộng: **1.324.473.526 đồng.**

2.3. Kể từ ngày 16/3/2023, Công ty cổ phần V còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi số 300719-5034613-01-SME/TCTK ngày 30/8/2019 và các văn bản tín dụng kèm theo cho đến thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

2.4. Trường hợp Công ty cổ phần V không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì các bên bảo lãnh trong các Hợp đồng bảo lãnh số 5034613/HĐBL/VPBank-01-SME; Hợp đồng bảo lãnh số 5034613/HĐBL/VPBank-02-SME, Hợp đồng bảo lãnh số 5034613/HĐBL/VPBank-03-SME ngày 30/8/2019 là bà Nguyễn Thị T, ông Vi Tuấn T và bà Nguyễn Thị Vân G có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty cổ phần V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi nêu trên.

2.5. Trường hợp Công ty cổ phần V, bà Nguyễn Thị T, ông Vi Tuấn T và bà Nguyễn Thị G không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, T giữ, phát mãi tài sản Tộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty cổ phần V, bà Nguyễn Thị T, ông Vi Tuấn T và bà Nguyễn Thị G để T hồi khoản nợ.

2.6. Về án phí: Công ty cổ phần V tự nguyện chịu toàn bộ 25.870.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí 24.500.000 đồng đã nộp theo biên lai số 63039 ngày 08/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện T;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thắng